

Số/ No.: 2111-01/2025/TB-F88ĐT

Phú Thọ, ngày 21 tháng 11 năm 2025
Phu Tho, 21 November 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange
- Quý cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư F88/ Shareholders of F88 Investment Joint Stock Company

1. Tên tổ chức/Organization Name: Công ty Cổ phần Đầu tư F88/ F88 Investment Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/Stock Code: F88
- Địa chỉ/Address: Số 1980 đường Hùng Vương, phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ/ 1980 Hung Vuong Street, Nong Trang Ward, Phu Tho Province, Vietnam
- Điện thoại liên hệ/ Contact Number: 0210 385 4233
- Người thực hiện công bố thông tin/ Information Disclosure Officer: Nguyễn Đức Đại
- Chức vụ: Tổng Giám đốc / Position: General Director

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of Public Disclosure:

- Công ty Cổ phần Đầu tư F88 đính chính nội dung Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 (Ban hành kèm theo NQ HĐQT số 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT ngày 14/11/2025) như sau:

F88 Investment Joint Stock Company hereby corrects the contents of the Regulation on the issuance of shares under the 2024 Employee Stock Ownership Plan (issued together with the Board of Directors' Resolution No. 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT dated 14 November, 2025) as follows:

Nội dung tại Khoản 2.1 Quy chế ESOP 2024 đã Ban hành và Công bố thông tin/ The contents under Clause 2.1 of the 2024 ESOP Regulation that has been issued and disclosed.	Nội dung đính chính/ Corrected Content
Người lao động được tham gia Chương trình ESOP là các CBNV đã ký hợp đồng lao động chính thức với Công ty và công ty con của	Người lao động được tham gia Chương trình ESOP là các CBNV đã ký hợp đồng lao động chính thức với Công ty và công ty con của

Công ty và có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm chốt danh sách nhân sự ngày 31/12/2024, trừ trường hợp được phân bổ cổ phiếu theo Mục 3.2.4 bên dưới.

Employees eligible to participate in the ESOP Program are those who have signed official labor contracts with the Company and its subsidiaries and have worked for at least 12 months as of the employee list closing date of December 31, 2024, except in cases where shares are allocated under Section 3.2.4 below.

Công ty và có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm chốt danh sách nhân sự ngày 31/12/2024, trừ trường hợp được phân bổ cổ phiếu theo Mục 3.1.4 bên dưới.

Employees eligible to participate in the ESOP Program are those who have signed official labor contracts with the Company and its subsidiaries and have worked for at least 12 months as of the employee list closing date of December 31, 2024, except in cases where shares are allocated under Section 3.1.4 below.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/11/2025 tại đường dẫn: <https://f88.vn/>

This information was published on the company's official website on 21 November 2025, at the following URL: <https://f88.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby affirm that the information disclosed herein is true and accurate, and we assume full legal responsibility for its content.

Đại diện tổ chức
Organization representative

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



NGUYỄN ĐỨC ĐẠI

Số/No.: 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT

Phủ Thọ, ngày 14 tháng 11 năm 2025
Phu Tho, 14 November 2025

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F88
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS
OF F88 INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

V/v: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình Lựa chọn cho Người lao động trong CTCP Đầu tư F88 và các công ty con (Chương trình ESOP) năm 2024
Re: Approval of the implementation of the share issuance plan under the 2024 Employee Stock Ownership Program (ESOP) for F88 Investment Joint Stock Company and its subsidiaries

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 2606-01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/F88ĐT ngày 26/06/2025;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ 1011/2025/NQ/ĐHĐCĐ/F88ĐT ngày 10/11/2025;
- Tờ trình HĐQT số 1111-01/2025/TT/HĐQT/F88ĐT ngày 11/11/2025 v/v Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình Lựa chọn cho Người lao động trong CTCP Đầu tư F88 và các công ty con (Chương trình ESOP) năm 2024;
- Biên bản kiểm phiếu Hội đồng Quản trị số 1411-01/2025/BBKP/HĐQT/F88ĐT ngày 14/11/2025;
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Pursuant to:

- The Enterprise Law No. 59/2020/QH14 issued on 17 June 2020, and its amending and supplementing documents;
- The Securities Law No. 54/2019/QH14 issued on 26 November 2019 and its amending and supplementing documents;
- Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020, of the Government, providing detailed regulations for the implementation of certain articles of the Securities Law, and its amending and supplementing documents;
- The Charter of Organization and Operation of the Company;
- 2025 Annual General Meeting of Shareholders Resolution No. 2606-01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/F88ĐT dated June 26, 2025;
- General Meeting of Shareholders Resolution No. 1011/2025/NQ/ĐHĐCĐ/F88ĐT dated 10 November 2025;
- Proposal No. 1111-01/2025/TT/HĐQT/F88ĐT dated 11 November 2025 regarding approval of the implementation of the share issuance plan under the 2024 Employee Stock Ownership Program (ESOP) for F88 Investment Joint Stock Company and its subsidiaries;
- Vote counting Minutes of the Board of Directors No. 1411-01/2025/BBKP/HĐQT/F88ĐT dated 14 November, 2025;
- The Company's actual operation.

QUYẾT NGHỊ/ RESOLVED

Điều 1. Hội đồng Quản trị thông qua các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình ESOP 2024 như sau:

Article 1. The Board of Directors hereby approves the contents related to the issuance of shares under the ESOP 2024 program as follows:

1.1. Phê duyệt Quy chế phát hành ESOP 2024 như nội dung tại Phụ lục 01 của Nghị quyết này
Approval of the ESOP 2024 Issuance Regulations attached as Appendix 01 of this Resolution.

1.2. Phê duyệt Danh sách người lao động được phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024 như quy định tại Phụ lục 02 Đính kèm Nghị quyết này
Approval of the List of Employees Eligible for Share Issuance under the ESOP 2024 Program as stipulated in Appendix 02 attached to this Resolution.

1.3. Phê duyệt phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
Approval of the Plan for utilizing proceeds from the issuance
Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là 2.066.150.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể để thanh toán lương thưởng của Công ty.
The total proceeds from the issuance are expected to be VND 2,066,150,000, which will be used to supplement the working capital for the Company's business operations, specifically to pay salaries and bonuses.

1.4. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài
Plan to ensure compliance with foreign ownership limit
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 100% vốn điều lệ (căn cứ Công văn số 2098/UBCK-PTTT ngày 02/06/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Đầu tư F88). Do vậy việc phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP luôn đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty theo quy định của pháp luật.
The maximum foreign ownership limit in the Company is currently 100% of the charter capital (based on Official Letter No. 2098/UBCK-PTTT dated 2 June 2025, from the State Securities Commission regarding the dossier on the notification of the maximum foreign ownership limit of F88 Investment Joint Stock Company). Therefore, the issuance of shares under the ESOP program always ensures compliance with the Company's foreign ownership ratio as stipulated by law.

1.5. Phê duyệt việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm từ đợt phát hành theo quy định.
Approval of the registration of additional securities at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") and the registration for additional trading at the Hanoi Stock Exchange (HNX) for the entire volume of newly issued shares from the issuance as per regulations.

1.6. Phê duyệt việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ của Công ty theo số vốn thực tế tăng thêm từ đợt phát hành.
Approval of the increase in charter capital and amendments to the charter capital, number of outstanding shares, and other related provisions in the Company's Charter based on the actual capital increase from the issuance.
Thông qua việc tăng vốn Điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.
Approve the increase in charter capital and amendments to the charter capital, number of outstanding shares, and other related provisions in the Company's charter correspond with the total par value of the shares actually issued under the aforementioned issuance plan.

Điều 2. Ủy quyền

Article 2. Authorization

HĐQT theo đây giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định và triển khai thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

The Board of Directors hereby assigns and authorizes the Chairman of the Board of Directors to decide and implement the following tasks, including but not limited to:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết và ký các văn bản có liên quan đến Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP theo Phương án phát hành đã được ĐHCĐ và HĐQT phê duyệt và báo cáo các vấn đề liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"); thực hiện thông báo và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

To carry out necessary procedures and sign all relevant documents pertaining to the Share Issuance Report Documents under the ESOP Program, in accordance with the Issuance Plan approved by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, and report related matters to the State Securities Commission ("SSC"); announce and publish the information disclosure under the laws;

- Quyết định các nội dung chi tiết khác của Chương trình ESOP bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung được quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.
To decide on other details of the ESOP, including but not limited to the contents specified in Article 1 of this Resolution;
- Quyết định nội dung các văn bản, hồ sơ liên quan đến việc cáo báo phát hành cổ phiếu cho UBCKNN, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung các văn bản hồ sơ, đề xuất Phương án phân phối số lượng cổ phiếu do người lao động được tham gia Chương trình ESOP không đăng ký mua hết để HĐQT quyết định và báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu cho UBCKNN theo quy định của pháp luật.
To decide on the content of documents and records related to the notification of stock issuance to the SSC, decide on amendments, supplements, or adjustments to the content of these documents and records, propose a plan for distributing the remaining shares not subscribed by employees participating in the ESOP program for the Board of Directors to decide, and report the results of the stock issuance to the SSC in accordance with legal regulations;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP; đồng thời thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt phát hành nêu trên với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
To amend the provisions related to charter capital, shares, and stocks in the Company's Charter following the completion of the ESOP share issuance program; concurrently, carry out the procedures for amending the Company's business registration related to the change in charter capital based on the results of the aforementioned share issuance with the competent state authority;
- Thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);
To perform the necessary tasks to proceed with the registration of depository and additional trading registration for the shares issued under the ESOP program at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and the Hanoi Stock Exchange (HNX);
- Quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị thấy là cần thiết để hoàn tất đợt phát hành nêu trên.
To decide on other matters and carry out other tasks deemed necessary by the Chairman of the Board of Directors to complete the aforementioned share issuance;

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Article 3. Effectiveness

Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết HĐQT số 1609-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT ngày 16/09/2025.
Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ký.
This Resolution replaces Board of Directors Resolution No. 1609-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT dated 16 September 2025.
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
This resolution takes effect from the signing date.
Members of the Board of Directors, The Board of Management, relevant departments and individuals are responsible for the implementation of this Resolution.

Nơi nhận/Recipients

- Như Điều 3/ As in Article 3;
- Lưu VT/ Archives.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



PHÙNG ANH TUẤN

**PHỤ LỤC 01: QUY CHẾ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG 2024
APPENDIX 01: REGULATIONS FOR THE ISSUANCE OF SHARES
UNDER THE 2024 EMPLOYEE STOCK OWNERSHIP PLAN**

(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT ngày 14/11/2025)
(Attached to the BOD Resolution No. 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT dated 14 November 2025)

QUY CHẾ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2024
REGULATIONS ON ISSUANCE OF SHARES UNDER
THE 2024 EMPLOYEE STOCK OWNERSHIP PLAN (ESOP)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT ngày 14/11/2025)
(Enclosed with the BOD Resolution No. 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT dated 14 November 2025)

Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 (gọi tắt là **Chương trình ESOP**) là chương trình được triển khai nhằm tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Đầu tư F88 ("**Công ty**") và của các công ty con của Công ty (có đủ điều kiện và tiêu chuẩn như được trình bày bên dưới để tham gia chương trình) cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của Công ty Cổ phần Đầu tư F88 thông qua việc có cơ hội sở hữu cổ phần Công ty với giá ưu đãi so với giá thị trường.

*The share issuance program under the Employee Stock Ownership Plan for 2024 (hereinafter referred to as the "**ESOP Program**") is implemented to enable employees of F88 Investment Joint Stock Company ("**the Company**") and its subsidiaries (who meet the conditions and criteria as described below to participate in the program) to share in the development and success of F88 Investment Joint Stock Company through the opportunity to own the Company's shares at a preferential price compared to the market price.*

I. MỤC ĐÍCH CHƯƠNG TRÌNH ESOP/ OBJECTIVES OF THE ESOP PROGRAM

Việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm mục đích:
The issuance of shares under the employee stock ownership plan is intended to:

- Ghi nhận đóng góp của người lao động đối với Công ty;
To recognize employees' contributions to the Company;
- Tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
To motivate employees to excellently fulfill their duties;
- Khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của những người lao động, nhân viên cùng phấn đấu và chia sẻ những thành công của Công ty;
To encourage and enhance the role, responsibility, and benefits of employees in striving for and sharing the Company's success;
- Thu hút và giữ chân những nhân viên chủ chốt, tâm huyết, giàu năng lực chuyên môn và kinh nghiệm.
To attract and retain key employees who are dedicated, competent, and experienced.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ/ LEGAL BASIC

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and its amendments and supplements;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and its amendments and supplements;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 providing detailed regulations for implementation of certain provisions of the Law on Securities and its amendments and supplements;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Circular No. 118/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 guiding certain matters on offering, issuance of securities, tender offers, share repurchase, registration of public companies, and delisting of public companies;

- Nghị định 245/2025/ND-CP ngày 11/09/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025, amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư F88;
Charter of F88 Investment Joint Stock Company;
- Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư F88;
Regulations on the Organization and Operation of the Board of Directors of F88 Investment Joint Stock Company;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư F88 năm 2025 số 2606-01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/F88ĐT ngày 26/06/2025;
Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders of F88 Investment Joint Stock Company in 2025 No. 2606-01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/F88ĐT dated June 26, 2025.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư F88 số 1011/2025/NQ/ĐHĐCĐ/F88ĐT ngày 10/11/2025;
Resolution of General Meeting of Shareholders of F88 Investment Joint Stock Company No. 1011/2025/NQ/ĐHĐCĐ/F88ĐT dated November 10, 2025.
- Các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.
Other relevant applicable legal documents.

III. ĐỊNH NGHĨA TỪ NGỮ/ *TERM DEFINITIONS*

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

In these Regulations, the following terms shall be understood as follows:

- **Công ty:** Công ty Cổ phần Đầu tư F88.
Company: F88 Investment Joint Stock Company
- **Công ty con của Công ty:** là các công ty sau đây: Công ty Cổ phần Kinh doanh F88; Công ty TNHH Thương mại F88; Công ty Cổ phần FFintech và Công ty Cổ phần Công nghệ Ngôi nhà xanh.
Subsidiaries of the Company: include the following: F88 Business Joint Stock Company; F88 Commerce Co., Ltd.; FFintech Joint Stock Company; and Green House Technology Joint Stock Company.
- **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông Công ty.
GMS: General Meeting of Shareholders of the Company
- **HĐQT:** Hội đồng Quản trị Công ty.
BOD: The Company's Board of Directors
- **BLĐ:** Ban lãnh đạo Công ty.
BOM: Board of Managements
- **Cán bộ nhân viên/CBNV:** cán bộ, nhân viên Công ty và công ty con của Công ty.
Employees: Officers and staff of the Company and its subsidiaries.
- **Cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty.
Shares: Shares of the Company.
- **UBCKNN:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
SSC: State Securities Commission of Vietnam.
- **Chương trình ESOP:** là chương trình phát hành cổ phiếu của Công ty một cách trực tiếp cho CBNV năm 2024 theo quy định của Quy chế này.
ESOP Program: the program for direct issuance of shares by the Company to employees in 2024 under these Regulations.
- **Thành viên ESOP:** là các CBNV được tham gia và đã thực hiện việc mua cổ phần từ Chương trình ESOP.

***ESOP Participants:** Employees who are eligible and have purchased shares under the ESOP Program.*

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP/ CONTENT OF THE ESOP PROGRAM

1. Thông tin về cổ phiếu ESOP/ Information on ESOP shares

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Đầu tư F88
Issuer: F88 Investment Joint Stock Company
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Type of shares: Common shares
- Mệnh giá cổ phiếu: **10.000** đồng/cổ phiếu
The value per share 10,000 VND /share
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo Chương trình ESOP: **206.615** cổ phiếu
Total number of shares offered under the ESOP Program: 206,615 shares
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: **2.066.150.000** đồng
Total value of shares offered: 2,066,150,000 VND
- Giá phát hành: **10.000** đồng/cổ phiếu
Issue price: VND 10,000/share
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 18 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động) và được giải tỏa dần theo tỷ lệ như sau:
Transfer restrictions: Shares issued under the ESOP Program are subject to a transfer restriction of 18 months from the closing date of the issuance (i.e., the date on which the Company completes the collection of payments for ESOP shares from employees), and will be gradually released according to the following schedule:
 - + **66,66%** số cổ phiếu mua theo chương trình ESOP sẽ được giải tỏa sau **12** tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (số cổ phiếu được giải tỏa sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị);
66.66% of ESOP shares purchased will be released after 12 months from the closing date of the issuance (the number of released shares will be rounded down to the nearest whole unit);
 - + Số cổ phiếu được mua theo chương trình ESOP còn lại sẽ được giải tỏa sau 18 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
The remaining ESOP shares purchased will be released after 18 months from the closing date of the issuance.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2025, ngay sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành, đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.
Expected Issuance Timeline: In 2025, immediately after the State Securities Commission is notified of the receipt of the issuance report documents, ensuring compliance with the provisions of the law.

2. Đối tượng áp dụng và tiêu chuẩn đánh giá/ Eligible subjects and evaluation criteria

2.1. Đối tượng áp dụng/ Eligible subjects

Người lao động được tham gia Chương trình ESOP là các CBNV đã ký hợp đồng lao động chính thức với Công ty và công ty con của Công ty và có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm chốt danh sách nhân sự ngày 31/12/2024, trừ trường hợp được phân bổ cổ phiếu theo Mục 3.1.4 bên dưới.

Employees eligible to participate in the ESOP Program are those who have signed official labor contracts with the Company and its subsidiaries and have worked for at least 12 months as of the employee list closing date of December 31, 2024, except in cases where shares are allocated under Section 3.1.4 below.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá/ Evaluation criteria

Cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá người lao động được tham gia chương trình ESOP bao gồm:
The basis for establishing evaluation criteria for employees participating in the ESOP Program includes:

- Thâm niên công tác tại Công ty và các công ty con của Công ty;
Seniority of service at the Company and its subsidiaries;
- Chức vụ, vị trí đảm nhiệm tại Công ty và các công ty con của Công ty;
Position and role held at the Company and its subsidiaries;
- Kết quả hoàn thành công việc trong năm gần nhất (năm 2024);
Work performance results in the most recent year (2024);
- Tiềm năng phát triển và khả năng đóng góp vào hoạt động của Công ty và/hoặc công ty con của Công ty trong tương lai.
Potential for development and ability to contribute to the Company's and/or its subsidiaries' operations in the future.
- Mức độ đóng góp của Người lao động vào Dự án đăng ký công ty đại chúng và đăng ký cổ phiếu trên Sàn giao dịch UpCom của Công ty.
Level of contribution of the Employee to the Project of registering as a Public Company and listing shares on the UpCom Stock Exchange.

Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, người lao động được tham gia Chương trình ESOP cần phải đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

In addition to the above criteria, employees participating in the ESOP Program must also meet the following conditions:

- Không vi phạm kỷ luật hoặc chờ xử lý kỷ luật tính đến thời điểm phát hành;
Have no disciplinary violation or be awaiting disciplinary action up to the date of issuance;
- Hiện đang công tác tại Công ty và/hoặc công ty con của Công ty, không có thông tin nghỉ việc tính đến thời điểm phát hành.
Are currently working at the Company and/or its subsidiaries, with no information regarding resignation up to the date of issuance.

3. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động *Principles for determining the number of shares distributed to each employee*

3.1. Công thức tính số lượng cổ phiếu ESOP được mua /

Formula for calculating the number of ESOP shares to be purchased

Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng người lao động được xác định dựa trên 04 hệ số: Hệ số thâm niên, Hệ số trách nhiệm, Hệ số hiệu quả làm việc, Hệ số tiềm năng phát triển và mức độ đóng góp của người lao động vào Dự án đăng ký công ty đại chúng và đăng ký cổ phiếu trên Sàn giao dịch UpCom của Công ty ("**Dự án đại chúng hóa Công ty**").

*The number of shares distributed to each employee is determined based on four Indexes: Seniority Index, Responsibility Index, Work Performance Index, Development Potential Index, and the employee's level of contribution to the Project of registering as a public company and listing shares on the UpCom Stock Exchange ("**Company Publicization Project**").*

Công thức tính số lượng cổ phiếu ESOP được mua của từng người lao động như sau:

The formula for calculating the number of ESOP shares to be purchased by each employee is as follows:

Cổ phiếu ESOP được mua của người lao động = A + B + C + D

ESOP shares to be purchased by employees = A + B + C + D

Trong đó/Defines:

A (Số lượng cổ phiếu ESOP được phân bổ theo Hệ số thâm niên) = 40 x Hệ số thâm niên

A (Number of ESOP shares allocated according to Seniority Index) = 40 × Seniority Index

B (Số lượng cổ phiếu ESOP được phân bổ theo Hệ số trách nhiệm và Hệ số hiệu quả làm việc) =

430 x Hệ số trách nhiệm x Hệ số hiệu quả làm việc

B (Number of ESOP shares allocated based on Responsibility and Performance Index) = 430 x Responsibility Index x Performance Index

C (Số lượng cổ phiếu ESOP được phân bổ theo Hệ số tiềm năng phát triển) = 100 x Hệ số tiềm năng phát triển

C (Number of ESOP shares allocated based on Development potential Index) = 100 x Development Potential Index

D (Số lượng cổ phiếu ESOP được phân bổ theo mức độ đóng góp vào Dự án đại chúng hóa Công ty).

D (Number of ESOP shares allocated based on the level of contribution to the Company Publicization Project).

Phương thức xác định 04 hệ số nêu trên và mức độ đóng góp vào Dự án đại chúng hóa Công ty được quy định chi tiết như sau:

The method for determining the four indexes above and the level of contribution to the Company Publicization Project are specified in detail as follows:

3.1.1. Hệ số thâm niên/ Seniority Index:

Hệ số thâm niên được xác định dựa trên thời gian thực tế làm việc của người lao động được tham gia Chương trình ESOP tại Công ty và/hoặc công ty con của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2024, cụ thể như sau:

The seniority index is determined based on the actual working time of the employee eligible to participate in the ESOP Program at the Company and/or its subsidiaries up to December 31, 2024, specifically as follows:

STT Seq	Tiêu chí Criteria	Hệ số thâm niên Seniority Index
1	Có thâm niên làm việc tại Công ty và/hoặc công ty con của Công ty từ 05 (năm) năm trở lên và chưa từng được phân bổ cổ phiếu thông qua chào bán riêng lẻ của Công ty với lý do thưởng thâm niên trong các năm trước. <i>Employees with at least 5 years of service at the Company and who have never been allocated shares through private placement by the Company as a seniority reward in previous years.</i>	1,00 1.00
2	Các nhân sự còn lại <i>Others</i>	0,00 0.00

3.1.2. Hệ số trách nhiệm/ Responsibility Index:

Hệ số trách nhiệm được xác định dựa trên chức vụ và cấp bậc của người lao động được tham gia Chương trình ESOP tính đến thời điểm 31/12/2024.

The responsibility index is determined based on the position and rank of the employee participating in the ESOP Program as of December 31, 2024.

Trường hợp người lao động được tham gia chương trình ESOP có nhiều hơn một chức vụ (kiêm nhiệm) thì hệ số trách nhiệm sẽ được lấy theo chức vụ cao nhất (ngoại trừ vị trí Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc). Hệ số trách nhiệm được xác định như sau:

In case where an employee participating in the ESOP program holds multiple positions (concurrently), the responsibility index will be based on the highest position (except for the positions of General Director and Deputy General Director). The responsibility index is determined as follows:

STT No.	Chức vụ tại Công ty và/hoặc công ty con của Công ty <i>Position at of the Company and/or subsidiaries of the Company</i>	Hệ số trách nhiệm <i>Responsibility Index</i>
1	Tổng Giám đốc (TGD) <i>General Director (GD)</i>	
1.1	TGD đảm nhiệm vị trí ≥ 6 tháng trong năm 2024 <i>GD holding the position for ≥ 6 months in 2024</i>	12,00 <i>12.00</i>
1.2	TGD đảm nhiệm vị trí < 6 tháng trong năm 2024 <i>GD holding the position for < 6 months in 2024</i>	11,00 <i>11.00</i>
2	Phó Tổng Giám đốc (PTGD) <i>Deputy General Director (Deputy GD)</i>	
2.1	PTGD phụ trách kinh doanh <i>Deputy GD in charge of sales</i>	11,00 <i>11.00</i>
2.2	Các PTGD khác đảm nhiệm vị trí ≥ 6 tháng trong năm 2024 <i>Deputy GD holding the position for ≥ 6 months in 2024</i>	10,00 <i>10.00</i>
2.3	Các PTGD khác đảm nhiệm vị trí < 6 tháng trong năm 2024 <i>Deputy GD holding the position for < 6 months in 2024</i>	7,00 <i>7.00</i>
3	Giám đốc Khối <i>Division Director</i>	6,00 <i>6.00</i>
4	Giám đốc Trung tâm Bậc 8-9 <i>Center Director Grade 8–9</i>	5,10 <i>5.10</i>
5	Kế toán trưởng/Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm/Giám đốc Phòng Bậc 7* <i>Chief Accountant/ Center Director or Deputy Director/ Department Director Grade 7*</i>	2,60 <i>2.60</i>
6	Trưởng phòng/Chuyên gia bậc 6/Quản lý vùng/Quản lý vùng cao cấp Bậc 6 <i>Department Manager/ Expert Grade 6/ Regional Manager/ Senior Regional Manager Grade 6</i>	1,00 <i>1.00</i>
7	Phó Phòng/Chuyên gia bậc 5/Giám sát/Quản lý khu vực/Trợ lý Bậc 5 <i>Deputy Department Manager/ Expert Grade 5/ Supervisor/ Area Manager/ Assistant Grade 5</i>	0,19 <i>0.19</i>
8	• Người lao động từ Bậc 1-4; và <i>Employees from Grade 1-4; and</i> • Người lao động từ Mục 1-7 nêu trên nhưng không làm việc đủ 12 tháng tính tới 31/12/2024 hoặc chưa được bổ nhiệm vào các chức vụ Bậc 5 đủ 6 tháng tính tới 31/12/2024 <i>Employees from Items 1-7 above but who have not worked for a full 12 months by December 31, 2024 or have not been appointed to positions at Grade 5 for a full 6 months by December 31, 2024</i>	0,00 <i>0.00</i>

(*) Lưu ý: Đối với trường hợp Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc các công ty con tính đến thời điểm 31/12/2024 đang được phân cấp ở Bậc 7, hệ số trách nhiệm vẫn sẽ được xác định như được nêu tại Mục 1 hoặc Mục 2 (tùy trường hợp áp dụng) ở Bảng bên trên.

(*) Note: For the case where the General Director/Deputy General Director of subsidiaries, as of December 31, 2024, is classified at Grade 7, the responsibility index shall still be determined as stated in Section 1 or Section 2 (as applicable) in the Table above.

3.1.3. Hệ số hiệu quả làm việc/ Performance Index

Hệ số hiệu quả làm việc (HQLV) được xác định dựa trên kết quả xếp loại hoàn thành công việc của người lao động được tham gia Chương trình ESOP trong năm 2024, cụ thể như sau:

The performance index is determined based on the employee's performance rating in 2024 under the ESOP Program, as follows:

STT Seq	Kết quả xếp loại năm 2024 2025 Performance rating	Hệ số HQLV Performance Index
1	A (Xuất sắc) A (Excellent)	2,0 2.0
2	B (Hoàn thành tốt) B (Good)	1,5 1.5
3	C (Hoàn thành) C (Satisfactory)	1,0 1.0
4	D (Chưa hoàn thành); và N (Không xếp loại) D (Unsatisfactory); and N (Not rated)	0,0 0.0

3.1.4. Hệ số tiềm năng phát triển/ Development Potential Index

Hệ số tiềm năng phát triển được xác định dựa trên đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty về tiềm năng phát triển và khả năng đóng góp vào hoạt động của Công ty và/hoặc công ty con của Công ty trong tương lai của người lao động được tham gia Chương trình ESOP (được chia thành các mức tiềm năng: rất cao; cao; trung bình cao, trung bình và thấp), có tính đến cấp bậc của người lao động đó, dù chưa có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm chốt danh sách nhân sự ngày 31/12/2024, cụ thể như sau:

The development potential index is determined based on the Board of Directors' evaluation of the employee's development potential and ability to contribute to the Company's and/or its subsidiaries' future operations, classified into potential levels: very high; high; moderately high; medium; and low. This also takes into account the employee's grade, even if the employee has not worked for 12 months or more as of the employee list closing date of December 31, 2024, specifically as follows:

Cấp bậc/ Rank	Hệ số tiềm năng phát triển/ Development Potential Index				
	Thấp Low	Trung bình Average	Trung bình cao High Average	Cao High	Rất cao Very High
Bậc 1-5 Grade 1 - 5	0,0 0.0	0,4 – 2,0 0.4 – 2.0	2,0 – 4,0 2.0 – 4.0	4,0 – 6,0 4.0 – 6.0	6,0 – 8,0 6.0 – 8.0
Bậc 6 Grade 6	0,0 0.0	1,0 – 3,0 1.0 – 3.0	3,0 – 5,0 3.0 – 5.0	5,0 – 7,0 5.0 – 7.0	7,0 – 10,0 7.0 – 10.0
Bậc 7 Grade 7	0,0 0.0	2,0 – 4,0 2.0 – 4.0	4,0 – 7,0 4.0 – 7.0	7,0 – 10,0 7.0 – 10.0	10,0 – 20,0 10.0 – 20.0
Bậc 8 Grade 8	0,0 0.0	2,0 – 5,0 2.0 – 5.0	5,0 – 8,0 5.0 – 8.0	8,0 – 12,0 8.0 – 12.0	12,0 – 25,0 12.0 – 25.0
Bậc 9 Grade 9	0,0 0.0	5,0 – 10,0 5.0 – 10.0	10,0 – 20,0 10.0 – 20.0	20,0 – 30,0 20.0 – 30.0	30,0 – 50,0 30.0 – 50.0
Bậc 10 Grade 10	0,0 0.0	10,0 – 15,0 10.0 – 15.0	15,0 – 25,0 15.0 – 25.0	25,0 – 45,0 25.0 – 45.0	45,0 – 65,0 45.0 – 65.0
Bậc 11 Grade 11	0,0 0.0	15,0 – 20,0 15.0 – 20.0	20,0 – 30,0 20.0 – 30.0	30,0 – 50,0 30.0 – 50.0	50,0 – 70,0 50.0 – 70.0

3.1.5. Đóng góp vào Dự án đại chúng hóa Công ty/ Contribution to the Company Publicization Project

Ngoài số cổ phiếu ESOP được phân bổ theo 04 hệ số nêu trên, Người lao động có đóng góp quan trọng vào Dự án đại chúng hóa Công ty (Dự án đặc biệt mang tầm chiến lược của Công ty) được phân bổ thêm cổ phiếu ESOP được xác định dựa trên đánh giá của HĐQT về vai trò, nhiệm vụ, thời gian đóng góp và mức độ đóng góp vào dự án, cụ thể như sau:

In addition to the ESOP shares allocated based on the four Indexes above, Employees who make significant contributions to the Company Publicization Project (a special, strategic project of the Company) will be allocated additional ESOP shares determined based on the BOD's assessment of their role, tasks, contribution time, and contribution level to the project, specifically as follows:

STT No	Họ và tên/ Full Name	Chức vụ/ Position	Công ty/ Company	Số cổ phiếu ESOP phân bổ theo mức độ đóng góp vào Dự án đại chúng hóa Công ty/ Number of ESOP Shares Allocated by Contribution Level to the Company Publicization Project
1	Phùng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc General Director	CTCP Kinh doanh F88/ F88 Business JSC	7.080 7,080
2	Nguyễn Đức Đại	Tổng Giám đốc General Director	CTCP Đầu tư F88/ F88 Investment JSC	6.679 6,679
3	Phạm Minh Đạo	Tổng Giám đốc General Director	CTCP Công nghệ Ngôi Nhà Xanh/Green House Tech JSC	5.524 5,524
4	Phạm Trần Long	Phó Tổng Giám đốc Deputy GD	CTCP Kinh doanh F88/ F88 Business JSC	6.829 6,829
5	Nguyễn Công Niêm	Phó Tổng Giám đốc Deputy GD	CTCP Kinh doanh F88/ F88 Business JSC	5.869 5,869
6	Ngô Quang Hưng	Giám đốc Director	CTCP Kinh doanh F88/ F88 Business JSC	5.769 5,769

3.1.6. Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu/ Principles of rounding the number of shares

Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng người lao động (trừ những người lao động được phân bổ cổ phiếu ESOP theo mức độ đóng góp vào Dự án đại chúng hóa Công ty được nêu tại Mục IV-3.1.5 ở trên) được làm tròn đến hàng chục để đảm bảo tổng số cổ phiếu phân phối cho người lao động không vượt quá tổng số cổ phiếu của chương trình ESOP.

The number of shares distributed to each employee (excluding those employees who are allocated ESOP shares based on their contribution to the Company Publicization Project as specified in Section IV-3.1.5 above) shall be rounded to the nearest ten to ensure that the total number of shares distributed to employees does not exceed the total number of shares in the ESOP program.

Số cổ phiếu lẻ (nếu có) sau khi làm tròn sẽ được phân phối lại cho người lao động có hệ số tiềm năng phát triển cao nhất.

Any odd shares (if any) after rounding shall be reallocated to the employee with the highest development potential index.

4. Quyền chuyển nhượng/ Transfer rights

Người lao động được tham gia Chương trình ESOP không được quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu ESOP của mình.

Employees participating in the ESOP Program are not entitled to transfer their rights to purchase ESOP shares.

Trong thời gian cổ phiếu còn bị hạn chế chuyển nhượng, nếu số cổ phiếu phát hành cho thành viên ESOP có phát sinh các quyền như: cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trả cổ tức bằng cổ phiếu, v.v. thì số cổ phiếu tăng thêm từ việc thực hiện quyền này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

During the restriction period, if the ESOP shares issued to participants give rise to additional rights such as: bonus shares issued from owners' equity, rights to purchase additional shares, or dividend payments in shares, the additional shares arising from such rights shall not be subject to transfer restrictions.

5. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết/ *Plan for handling unsold shares*

HĐQT quyết định phân phối số lượng cổ phiếu do người lao động được tham gia Chương trình ESOP không đăng ký mua hết (**Cổ Phiếu Cần Phân Phối**) cho người lao động khác trong danh sách ban đầu với cùng mức giá phát hành (10.000 đồng/cổ phiếu). Trong trường hợp Cổ Phiếu Cần Phân Phối không được mua hết, HĐQT quyết định ghi nhận số lượng cổ phiếu phát hành thực tế và kết thúc đợt phát hành.

The Board of Directors shall decide to distribute the number of shares not fully subscribed by employees eligible to participate in the ESOP Program (the “Shares to be Distributed”) to other employees on the original list at the same issue price (10,000 VND/share). In the event that the Shares to be Distributed are still not fully purchased, the Board of Directors shall record the actual number of shares issued and close the issuance.

6. Phương án xử lý trong trường hợp thành viên ESOP nghỉ việc tại Công ty trong thời gian cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ *Option for handling cases where ESOP members resign from the Company during the period when shares are restricted from transfer*

6.1. Trách nhiệm bán lại cổ phiếu/ *Responsibility to sell back shares*

- Thành viên ESOP nghỉ việc tại Công ty và/hoặc công ty con của Công ty trong thời gian cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số cổ phiếu còn bị hạn chế chuyển nhượng cho Công ty theo Giá phát hành tại thời điểm phát hành theo Chương trình ESOP (10.000 đồng/cổ phiếu), trừ trường hợp Công ty quyết định không thực hiện quyền mua lại cổ phiếu của những thành viên ESOP này theo quy định bên dưới.

ESOP members who resign from the Company and/or its subsidiaries during the period when shares are restricted from transfer are obligated to sell back the entire number of restricted shares to the Company at the issuance price at the time of issuance under the ESOP program (10,000 VND/share), except in cases where the Company decides not to exercise its right to repurchase the shares of these ESOP members as stipulated below.

- Công ty có quyền chủ động mua lại (nhưng không có nghĩa vụ phải mua lại) số cổ phiếu thành viên ESOP đã mua theo Chương trình ESOP còn đang trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng tại thời điểm người lao động nghỉ việc.

The Company has the right to proactively repurchase (but not the obligation to repurchase) the shares purchased by ESOP members under the ESOP program that are still under transfer restriction at the time of the employee's resignation.

- Trường hợp thành viên ESOP không còn làm việc tại Công ty và/hoặc công ty con của Công ty vì lý do nghỉ hưu, qua đời hoặc được điều động, chuyển công tác theo quyết định của Công ty thì vẫn có đầy đủ quyền lợi đối với các cổ phiếu đã mua theo Chương trình ESOP mà không phải bán lại theo các nội dung trên.

In cases where an ESOP participant ceases employment with the Company and/or its subsidiaries due to retirement, death, or transfer pursuant to a Company decision, the participant shall retain all rights to the ESOP shares purchased and shall not be required to sell them back as stated above.

- Trường hợp thành viên ESOP bị xử lý kỷ luật lao động, sa thải theo quy định của Công ty và/hoặc công ty con của Công ty và Luật Lao động hiện hành, thì cá nhân đó phải có trách nhiệm bán lại cổ phiếu đang còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cho Công ty nếu Công ty yêu cầu, theo Giá phát hành tại thời điểm phát hành theo Chương trình ESOP (10.000 đồng/cổ phiếu).

If an ESOP participant is subject to labor disciplinary action or dismissal under the Company's and/or its subsidiaries' regulations and applicable labor laws, that individual shall be obliged, upon the Company's request, to sell back the restricted ESOP shares to the Company at the Issue Price at the time of issuance (10,000 VND/share).

- Bên chuyển nhượng cổ phiếu có trách nhiệm chi trả các khoản thuế, phí liên quan (nếu có phát sinh).

The transferring party shall be responsible for paying any related taxes and fees (if applicable).

6.2. Phương thức mua lại cổ phiếu ESOP và Phương án bán ra cổ phiếu số cổ phiếu được Công ty mua lại trong trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động /

Method of repurchasing ESOP shares and Plan for selling the shares repurchased by the Company in cases where the Company repurchases shares from employees

Cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng được Công ty mua lại theo Mục IV-6.1 nêu trên thì không còn hạn chế chuyển nhượng; Công ty được phép bán ra số cổ phiếu đã được mua lại theo quy định pháp luật hiện hành.

Shares under transfer restrictions repurchased by the Company as per Item IV-6.1 above shall no longer be subject to transfer restrictions. The Company is permitted to sell the repurchased shares in accordance with current legal regulations.

7. Thủ tục đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu/ Procedures for registration and payment for share purchase

- Người lao động được tham gia Chương trình ESOP kê khai và ký đơn đăng ký mua cổ phiếu ESOP theo mẫu kèm theo Quy chế này.

Employees eligible to participate in the ESOP Program shall complete and sign the ESOP Share Purchase Registration Form attached to these Regulations.

- Nộp tiền mua cổ phiếu: Tiền mua cổ phiếu nộp bằng đồng Việt Nam bằng cách chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty, chi tiết như sau:

Payment for shares: Payment shall be made in Vietnamese Dong by bank transfer to the Company's capital account, with details as follows:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Account holder: F88 Investment Joint Stock Company

- Số tài khoản: 117002972421 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh

Account number: 117002972421 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Quang Minh Branch

- Nội dung chuyển tiền: (Họ và tên người lao động) - (Số CCCD/CMND) nộp tiền mua AA cp ESOP (đánh tiếng Việt không dấu, trong đó AA là số lượng cổ phiếu đăng ký mua)

Transfer details: (Employee's full name) - (ID/Passport number) payment for AA ESOP shares (written without Vietnamese diacritics, where AA is the number of shares registered for purchase)

Ví dụ: Nguyen Van A - 123456789 nộp tiền mua 3000 cp ESOP

Example: Nguyen Van A - 123456789 payment for 3000 ESOP shares

- Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu ESOP: Theo thông báo của Công ty sau khi UBCKNN có văn bản thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Time and place for registration and payment of ESOP shares: As notified by the Company after the State Securities Commission confirms receipt of complete documentation for the ESOP issuance report.

8. Quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia chương trình ESOP/ Rights and obligations of ESOP participants

- Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.



Entitled to all rights and obligations of common shareholders in accordance with the law, the Company's Charter and these Regulations.

- Phối hợp với Công ty để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Mục IV.6 Quy chế này.

Coordinate with the Company in carrying out share transfer procedures as prescribed in Section IV.6 of these Regulations.

- Có nghĩa vụ công bố thông tin, nộp thuế và các chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật liên quan đến số cổ phiếu ESOP.

Obligated to disclose information, pay taxes, and other expenses (if any) in accordance with the law regarding ESOP shares

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế này.

Fulfill other obligations as stipulated in these Regulations.

V. ĐIỀU CHỈNH, SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ ESOP

AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION OF THE ESOP REGULATIONS

1. Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT là cơ quan cao nhất có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Pursuant to the authorization of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors shall be the highest authority empowered to amend and supplement the Regulations on share issuance under the employee stock ownership plan in order to align with the actual circumstances of the Company.

2. Trường hợp văn bản pháp luật có quy định mới liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP thì Quy chế này sẽ được điều chỉnh phù hợp.

In the event that new legal provisions relating to the issuance of shares under the ESOP Program are promulgated, these Regulations shall be amended accordingly.

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU ESOP
TEMPLATE OF ESOP SHARE PURCHASE REGISTRATION FORM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

..., ngày/date ... tháng/month ... năm/year 2025

ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP NĂM 2024

ESOP SHARE PURCHASE REGISTRATION FORM IN 2024

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư F88

(Công ty)

To: F88 Investment Joint Stock Company

(Company)

Tôi tên là/My name is:

Phòng/Ban/Trung tâm/ Department/Division/Center:.....

Chức vụ/ Position:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ ID Card/Citizen ID/Passport No:Nơi cấp/Place of issue:

.....Ngày cấp/Date of issue:

Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities account (if any):

Mở tại/ Opened at:

Sau khi nghiên cứu Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty năm 2024 (sau đây gọi tắt là Quy chế ESOP), ban hành kèm theo Nghị quyết số ngày .../.../2025 của Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin đăng ký mua cổ phiếu của Chương trình ESOP năm 2024 cụ thể như dưới đây:

After reviewing the Company's Regulations on the issuance of shares under the 2024 Employee Stock Ownership Plan (hereinafter referred to as the "ESOP Regulations"), issued together with the Resolution No. dated .../.../2025 of the Company's Board of Directors, I hereby register to purchase ESOP shares under the 2024 Program as follows:

1.	Số lượng cổ phiếu được mua theo Quy chế ESOP: <i>Number of shares allocated under the ESOP Regulations:</i>	 cổ phiếu (Bằng chữ:) shares (In words:)
2.	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: <i>Number of shares subscribed</i>	 cổ phiếu (Bằng chữ:) shares (In words:)
3.	Số tiền nộp: <i>Amount</i>	Bằng số: Bằng chữ: In numbers: In words:

Tôi xin cam kết/ *I commit that:*

- Tự nguyện đăng ký mua số cổ phiếu nói trên, trên cơ sở nghiên cứu kỹ Quy chế ESOP của Công ty.
I voluntarily register to purchase the above-mentioned shares based on a thorough review of the Company's ESOP Regulations.
- Giữ bảo mật mọi thông tin liên quan đến chương trình ESOP.
I will keep all information related to the ESOP program confidential.
- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty và Quy chế ESOP, thừa nhận và cam kết thực hiện vô điều kiện toàn bộ các trách nhiệm mà đối tượng tham gia chương trình ESOP của Công ty có nghĩa vụ thực hiện theo quy định tại Quy chế ESOP.
I will comply with the provisions of the Company's Charter and ESOP Regulations, unconditionally acknowledge and commit to fulfill all obligations required of ESOP participants under the ESOP Regulations.
- Các cam kết và nghĩa vụ phát sinh theo Đơn đăng ký này của tôi đối với Công ty theo Quy chế ESOP là không hủy ngang và tôi thừa nhận toàn bộ các quyền của Công ty theo Quy chế ESOP.
I acknowledge that my commitments and obligations under this Registration Form to the Company pursuant to the ESOP Regulations are irrevocable, and I recognize all rights of the Company under the ESOP Regulations.
- Cam kết thực hiện đầy đủ các thủ tục mua và thanh toán tiền mua cổ phiếu theo đúng Quy chế ESOP của Công ty ban hành.
I commit to duly complete all procedures for purchasing and paying for the shares in accordance with the Company's ESOP Regulations.
- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, cổ phần của Công ty; không sử dụng nguồn vốn do các Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua cổ phần của Công ty; không được mua cổ phần của Công ty dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.
I commit to take full legal responsibility for the legitimacy of the source of funds used to purchase the Company's shares; not to use credit granted by credit institutions or foreign bank branches to purchase the Company's shares; not to purchase the Company's shares under the name of another individual or entity under any form, except for entrustment permitted by law.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ/APPLICANT

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

**PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC PHÂN BỐ CỔ PHIẾU
THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG 2024**
**APPENDIX 02: LIST OF EMPLOYEES ALLOCATED SHARES
UNDER THE 2024 EMPLOYEE STOCK OWNERSHIP PLAN**

(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT ngày 14/11/2025)
(Attached to the BOD Resolution No. 1411-01/2025/NQ/HĐQT/F88ĐT dated 14 November 2025)

STT SEQ	Họ và tên Full name	NHC Grade	Chức danh Job Title	PMS 2014	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency				C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án/ Dự án chung hóa D. Publication project contribution level	SL. CP ESOP 2014 Được mua (trước khi mua trái phiếu) ESOP 2014 shares eligible to purchase (before funding)	SL. CP ESOP 2014 Được mua (sau khi mua trái phiếu) ESOP 2014 shares eligible to purchase (after funding)
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào Year	Thẩm niên (trên năm) Seniority (by years)	Đã được thưởng ESOP thêm vào các năm trước Has received ESOP for previous years	Hệ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HIỆU QUẢ Efficiency Index	ESOP B	Hệ số TIỀM NĂNG Potential Index	ESOP C	ESOP D			
1	Bạch Xuân Hữu	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	B	15/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	0,80	80		120	120	
2	Bùi Anh Tú	4	Trưởng nhóm Team leader	A	24/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	2	-	-	-		40	40	
3	Bùi Đình Tâm	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	1/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
4	Bùi Hồng Hải	6	Trưởng phòng Manager	B	17/6/2020	2020	4	Không No	0	-	1,00	1,3	645	-	-		645	650	
5	Bùi Phương Thảo Vy	3	Chuyên viên chính Officer	D	6/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	0	-	-	-		40	40	
6	Bùi Phương Yên	3	Chuyên viên chính Officer	A	17/12/2018	2018	6	Không No	1	40	-	2	-	0,40	40		40	40	
7	Bùi Thị Phương Thảo	2	Chuyên viên Clerk	B	8/7/2021	2021	3	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40		40	40	
8	Bùi Thị Văn Anh	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	30/12/2019	2019	3	Không No	1	40	-	1	-	-	-		10	40	
9	Bùi Tiến Dũng	5	Chuyên gia Expert	B	1/12/2021	2021	3	Không No	0	-	0,19	1,3	123	-	-		123	120	
10	Bùi Văn Tú	5	Trưởng nhóm Team leader	C	6/7/2023	2023	1	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-		82	80	
11	Cao Minh Tuấn	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	21/10/2019	2019	3	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
12	Cao Hoàng Yến	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	D	19/11/2018	2018	6	Không No	1	40	-	0	-	-	-		40	40	
13	Cao Hữu Quốc	5	Trưởng nhóm Team leader	A	3/12/2016	2016	6	Không No	1	40	-	2	-	-	-		40	40	
14	Cao Ngọc Tuấn	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	22/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
15	Chu Văn Đức	5	Trưởng nhóm Team leader	B	3/8/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-		123	120	
16	Đặng Phương Thủy	6	Trưởng phòng Manager	A	10/2/2020	2020	4	Không No	0	-	1,00	2	860	-	-		860	860	
17	Đặng Thị Thu Hà	5	Chuyên gia Expert	C	17/8/2023	2023	1	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-		82	80	
18	Đặng Tuấn Anh	5	Giám sát Supervisor	A	12/6/2023	2023	1	Không No	0	-	0,19	2	163	-	-		163	160	
19	Đặng Tuấn Anh	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	2/12/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
20	Đặng Tuấn Anh	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	21/5/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
21	Đặng Tuấn Khôi	6	Trưởng phòng Manager	A	1/7/2020	2020	4	Không No	0	-	1,00	2	860	-	-		860	860	
22	Đào Hoàng Giang	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	1/8/2019	2019	3	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
23	Đào Quang Trường	5	Chuyên gia Expert	C	8/6/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-		82	80	
24	Đào Thị Hoa	6	Trưởng phòng Manager	C	1/8/2023	2023	1	Không No	0	-	1,00	1	430	-	-		430	430	
25	Đinh Gia Hữu	9	Giám đốc Director	C	22/2/2021	2021	3	Không No	0	-	5,10	1	2.193	8,10	810		3.003	3.000	
26	Đinh Thanh Hùng	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	12/8/2019	2019	3	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
27	Đinh Thanh Trung	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	15/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
28	Đinh Thị Sen	3	Chuyên viên chính Officer	B	26/1/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40	
29	Đinh Thủy Nga	5	Chuyên gia Expert	C	9/11/2016	2016	8	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-		82	80	
30	Đinh Tuấn Anh	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	23/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	

STT SEQ	Họ và tên Full name	Bộ Grade	Chức danh Job Title	VNIS 2024	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency				C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án/ Dự án chung D. Publication project contribution level	SLCP ESOP 2014 được mua (trước khí làm tròn) ESOP 2014 shares bought (before rounding) = A(10%)	SLCP ESOP 2014 được mua (sau khi làm tròn) ESOP 2014 shares bought (after rounding) = A(10%)
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thẩm niên (tính năm) Seniority (by years)	Đã được thưởng ESOP thêm năm cũ của trước Has received seniority ESOP for previous years	Hệ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HIỆU QUẢ Efficiency Index	ESOP B	Hệ số Tiềm năng Potential Index	ESOP C	ESOP D			
31	Dỗ Ngọc Liên	6	Trưởng phòng Manager	A	6/3/2019	2019	5	Không No	1	40	1,00	2	860	-	-	-	960	960	
32	Dỗ Quốc Hải	5	Chuyên gia Expert	C	1/7/2015	2015	9	Cũ Yes	0	-	0,19	1	82	-	-	-	82	80	
33	Dỗ Thanh Nguyễn	1	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	28/10/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
34	Dỗ Thế Sơn	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	1/7/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1	-	0,80	80	-	80	80	
35	Dỗ Thị Hằng	7	Giám đốc Director	B	16/11/2020	2020	4	Không No	0	-	2,60	1,5	1.677	2,00	200	-	1.877	1.870	
36	Dỗ Thị Như Phương	1	CV Kinh doanh Sales Officer	B	1/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
37	Đoàn Văn Tường	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	B	2/11/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40	-	40	40	
38	Đương Phú Khánh	1	Chuyên viên chính Officer	B	27/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
39	Đương Quang Vinh	6	Trưởng phòng Manager	B	3/5/2021	2021	3	Không No	0	-	1,00	1,5	645	8,00	800	-	1.445	1.450	
40	Giăng Trung Hiếu	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	D	4/7/2022	2022	2	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40	-	40	40	
41	Hà Công Tuấn	3	Chuyên viên chính Officer	C	2/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
42	Hà Thị Mỹ Hạnh	3	Chuyên viên chính Officer	B	8/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
43	Hà Văn Hùng	3	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	B	25/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	0,80	80	-	120	120	
44	Hà Văn Tiến	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	8/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
45	Hồ Ngọc Cẩm	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	19/8/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
46	Hồ Xuân Đăng	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	9/9/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
47	Hoàng Anh Dương	2	Chuyên viên Officer	B	5/9/2023	2023	1	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40	-	40	40	
48	Hoàng Anh Mỹ	3	Trưởng phòng cao cấp Senior Branch Manager	C	5/11/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
49	Hoàng Bảo Ninh	6	Trưởng phòng Manager	C	1/7/2022	2022	2	Không No	0	-	1,00	1	430	-	-	-	430	430	
50	Hoàng Hải Trang	3	Chuyên viên chính Officer	A	2/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	2	-	-	-	-	40	40	
51	Hoàng Minh Thái	6	Trưởng phòng Manager	B	10/4/2021	2021	3	Không No	0	-	1,00	1,5	645	-	-	-	645	650	
52	Hoàng Thạch Dân	6	Quản lý Vùng Regional Manager	C	8/11/2016	2016	8	Cũ Yes	0	-	1,00	1	410	-	-	-	410	430	
53	Hoàng Thị Ngọc	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	1/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
54	Hoàng Thị Phương Loan	7	Giám đốc Director	A	16/9/2019	2019	5	Không No	1	40	2,60	2	2.736	4,00	400	-	2.676	2.680	
55	Hoàng Tú Uyên	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	B	27/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	0,80	80	-	120	120	
56	Hoàng Văn Mẫn	6	Trưởng phòng Manager	A	21/11/2016	2016	8	Cũ Yes	0	-	1,00	2	860	-	-	-	860	860	
57	Hoàng Văn Túc	5	Trưởng nhóm Team leader	B	19/3/2018	2018	6	Không No	1	40	0,19	1,5	123	-	-	-	163	160	
58	Hoàng Việt Anh	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	25/11/2010	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
59	Hoàng Vĩnh Hà	4	Quản lý Vùng cao cấp Senior Regional Manager	B	12/3/2019	2019	5	Không No	1	40	1,00	1,5	645	-	-	-	685	690	
60	Hồng Trúc Giang	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	4/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
61	Huỳnh Mát Chi	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	18/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	

STT SEQ	Họ và tên Full name	Đức Grade	Chức danh Job Title	PMIS 2024	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency			C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án Đại chúng hóa D. Publicization project contribution level	SL CP ESOP 2024 được mua (từng khi tham gia) ESOP 2024 shares eligible to purchase (after round(s)) = 41HC4D	SL CP ESOP 2024 được mua (sau khi lưu giữ) ESOP 2024 shares eligible to purchase (after round(s)) = 41HC4D
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thêm niên (trên năm) Seniority (by years)	Đã được thưởng ESOP thêm vào các năm trước Has received seniority ESOP for previous years	Hệ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số hiệu quả Efficiency Index	ESOP B	Hệ số Tiềm năng Potential Index	ESOP C			
62	Huỳnh Ngọc Phương Trích	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	D	4/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	0	-	-	-	-	40	40
63	Huỳnh Trần Anh Trí	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	D	4/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	0,80	80	-	120	120
64	Lại Thị Hạnh	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	1/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
65	Lâm Đình Tiến	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	A	1/10/2019	2019	5	Không No	1	40	-	2	-	0,40	40	-	10	10
66	Lâm Thành Danh	5	Trưởng nhóm Team leader	C	25/2/2019	2019	5	Không No	1	40	0,19	1	82	-	-	-	122	120
67	Lâm Thị Phương Dung	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	23/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	0,80	80	-	120	120
68	Lâm Thu Ngọc	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	17/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
69	Lê Đoàn Thảo Vy	3	Chuyên viên chính Officer	B	30/12/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
70	Lê Duy Khương	8	Giám đốc Director	B	12/5/2024	2024	-	Không No	0	-	-	1,5	-	10,00	1.000	-	1.000	1.000
71	Lê Lưu Anh NM	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	26/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
72	Lê Minh Luân	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	29/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
73	Lê Minh Trí	6	Chuyên gia Expert	B	25/7/2022	2022	2	Không No	0	-	1,00	1,5	615	-	-	-	615	610
74	Lê Nguyễn Việt Hà	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	18/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
75	Lê Phương Thảo	5	Chuyên gia Expert	D	19/3/2019	2019	5	Không No	1	40	0,19	1,5	123	-	-	-	163	160
76	Lê Quỳnh Trang	7	Giám đốc Director	B	26/9/2021	2021	3	Không No	0	-	2,60	1,5	1.677	2,00	200	-	1.877	1.870
77	Lê Tấn Trung	5	Phó phòng Deputy Manager	B	7/6/2021	2021	3	Không No	0	-	0,19	1,5	123	2,00	200	-	323	320
78	Lê Thanh Cường	4	Trưởng nhóm Team leader	A	24/9/2023	2023	1	Không No	0	-	-	2	-	0,40	40	-	40	40
79	Lê Thanh Phú	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	11/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
80	Lê Thảo Vi	2	Chuyên viên Clerk	C	11/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
81	Lê Thị Hồng Phương	5	Trưởng nhóm Team leader	C	25/7/2022	2022	2	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-	-	82	80
82	Lê Thị Lan	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	16/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	0,80	80	-	120	120
83	Lê Thị Như Bình	3	Chuyên viên chính Officer	C	16/12/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
84	Lê Thị Thanh Hương	3	Chuyên viên chính Officer	C	1/9/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
85	Lê Thị Thủy Trung	2	Chuyên viên Clerk	B	5/9/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
86	Lê Trà My	2	Chuyên viên Clerk	C	27/8/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
87	Lê Văn Hòa	5	Trưởng nhóm Team leader	B	23/8/2021	2021	3	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	-	123	120
88	Lương Cao Hồng Phúc	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	B	6/4/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40	-	40	40
89	Lương Tùng Lâm	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	9/4/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
90	Lý Phong Bình	1	CV Kinh doanh Sales Officer	B	16/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
91	Lý Văn Đạt	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	9/4/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
92	Ngô Trần Hùng	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	B	3/2/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1,5	-	0,80	80	-	80	80

STT SEQ	Họ và tên Full name	Hội Grade	Chức danh Job Title	PMIS 2024	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NHẬN A. Stability		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency			C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án Dự chỉnh hóa D. Publication project contribution level	SL. CP ESOP 2024 được mua (trước khí lên thị trường) ESOP 2024 shares eligible to purchase (before trading) = (A+B)/C/D	SL. CP ESOP 2024 được mua (sau khi lên thị trường) ESOP 2024 shares eligible to purchase (after trading) = (A+B)/C/D
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thẩm nhận (trên năm) Stability (by year)	Đã được thưởng ESOP thêm các năm trước Has received ESOP for previous years	Hệ số thẩm nhận Stability Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HI/QUY Efficiency Index	ESOP B	Hệ số Tiềm năng Potential Index	ESOP C			
93	Mai Thanh Tấn	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	21/10/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
94	Ngô Chí Cường	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	7/10/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
95	Ngô Minh Hào	5	Giám sát Supervisor	C	1/9/2023	2023	1	Không Có	0	-	0,19	1	82	-	-	-	82	80
96	Ngô Quang Hưng	10	Giám đốc Director	B	1/1/2013	2013	11	Có Yes	0	-	10,00	1,5	6.450	54,00	5.400	3.769	17.619	17.619
97	Ngô Thị Hoàn	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	28/10/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
98	Ngô Thị Huyền	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	17/12/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1	-	0,80	80	-	120	120
99	Ngô Trọng Nhân	8	Giám đốc Director	B	8/1/2021	2021	3	Không Có	0	-	5,10	1,5	3.290	-	-	-	3.290	3.290
100	Nguyễn Anh Tuấn	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	8/8/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
101	Nguyễn Chí Dương	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	3/7/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
102	Nguyễn Công Nhân	10	Phó Tổng Giám đốc Deputy GD	B	23/4/2018	2018	6	Không Có	1	40	10,00	1,5	6.450	53,00	5.300	5.869	17.659	17.659
103	Nguyễn Đình Long Vĩnh	6	Quản lý Vùng Regional Manager	B	10/7/2020	2020	4	Không Có	0	-	1,90	1,5	645	-	-	-	645	650
104	Nguyễn Đức Đại	10	Tổng Giám đốc - F&B GD - F&B Investment Ltd	B	1/3/2016	2016	8	Có Yes	0	-	12,00	1,5	7.740	64,00	6.400	6.679	20.819	20.819
105	Nguyễn Đức Hoàng	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	8/4/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
106	Nguyễn Đức Lương	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	B	25/7/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
107	Nguyễn Đức Luyến	3	Chuyên viên chính Officer	C	4/12/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
108	Nguyễn Đức Mạnh	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	21/5/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
109	Nguyễn Dương Anh Minh	2	Chuyên viên Expert	B	30/9/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	82	80
110	Nguyễn Duy Nam	5	Chuyên gia Expert	C	21/11/2016	2016	8	Có Yes	0	-	0,19	1	82	-	-	-	845	850
111	Nguyễn Hà Phương	6	Trưởng phòng Manager	B	1/12/2020	2020	4	Không Có	0	-	1,00	1,5	645	2,00	200	-	1.677	1.680
112	Nguyễn Hoàng Lương	7	Kế Toán Trưởng Chief Accountant	B	3/10/2022	2022	2	Không Có	0	-	2,60	1,5	1.677	-	-	-	40	40
113	Nguyễn Hồng Tấn	3	Chuyên viên chính Officer	B	4/11/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
114	Nguyễn Hồng Uyên Nhi	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	18/11/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
115	Nguyễn Hoàng Sơn	3	Chuyên viên chính Officer	C	17/12/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
116	Nguyễn Hữu Duy	3	Chuyên viên chính Officer	C	1/5/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
117	Nguyễn Hữu Quân	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	15/7/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
118	Nguyễn Hữu Sinh	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	B	3/6/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
119	Nguyễn Hữu Thủy	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	27/5/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
120	Nguyễn Huy Hoàng	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	B	20/5/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	0,80	80	-	120	120
121	Nguyễn Huyền Trang	5	Trưởng nhóm Team leader	C	15/2/2016	2016	8	Có Yes	0	-	0,19	1	82	2,00	200	-	212	280
122	Nguyễn Kiên	3	Chuyên viên chính Officer	B	28/5/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
123	Nguyễn Khắc Thân	6	Trưởng phòng Manager	A	12/11/2019	2019	5	Không Có	1	40	1,00	2	860	-	-	-	900	900

STT SEQ	Họ và tên Full name	Bậc Grade	Chức danh Job Title	PMS 2024	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency				C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án Đại chúng hóa D. Publication project contribution level	Số CP ESOP 2024 được mua (trước khi mua ESOP) ESOP 2024 shares eligible to purchase (before ESOP) = A+B+C+D	Số CP ESOP 2024 được mua (sau khi mua ESOP) ESOP 2024 shares eligible to purchase (after ESOP) = (A+B+C+D)
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thẩm niên (tính năm) Seniority (by years)	Đã được thưởng ESOP thêm nữa các năm trước Has received ESOP for previous years	Hệ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HI/ LV Efficiency Index	ESOP B	Hệ số Tiềm năng Potential Index	ESOP C	ESOP D			
124	Nguyễn Minh Tăng	6	Quản lý Vùng Regional Manager	C	8/11/2016	2016	8	Có Yes	0	-	1,00	1	430	2,00	200		630	630	
125	Nguyễn Minh Hiền	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	1/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
126	Nguyễn Minh Hòa	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	9/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
127	Nguyễn Minh Ngọc	5	Trưởng nhóm Team leader	B	22/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40	
128	Nguyễn Minh Phúc	6	Phó Giám đốc Deputy Director	N	16/10/2024	2024	-	Không No	0	-	-	0	-	1,20	120		120	120	
129	Nguyễn Minh Tâm	6	Trưởng phòng Manager	B	23/4/2020	2020	4	Không No	0	-	1,00	1,5	645	4,50	450		1.095	1.090	
130	Nguyễn Minh Thái	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	3/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40	
131	Nguyễn Mỹ Huệ	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	A	18/8/2020	2020	4	Không No	0	-	-	2	-	0,80	80		80	80	
132	Nguyễn Ngọc Khoa	3	Chuyên viên kinh doanh Sales Officer	C	1/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
133	Nguyễn Ngọc Khoa	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	9/12/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
134	Nguyễn Ngọc Tú	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	18/2/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
135	Nguyễn Phạm Anh Tú	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	1/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		123	120	
136	Nguyễn Phan Linh	5	Trưởng nhóm Team leader	B	1/3/2016	2016	8	Có Yes	0	-	0,19	1,5	123	-	-		693	690	
137	Nguyễn Phú Hòa	6	Trưởng phòng Manager	B	16/3/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1,00	1,5	645	-	-		40	40
138	Nguyễn Quang Huy	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	22/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		1.677	1.680	
139	Nguyễn Quang Thắng	7	Giám đốc phòng Director	B	15/6/2021	2021	3	Không No	0	-	2,60	1,5	1.677	-	-		40	40	
140	Nguyễn Quang Trọng	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	13/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40	
141	Nguyễn Quốc Tuấn	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	4/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
142	Nguyễn Quỳnh Bích Trâm	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	23/12/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
143	Nguyễn Sĩ Kiên	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	10/12/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-		685	690	
144	Nguyễn Tấn Tài	6	Quản lý Vùng Regional Manager	B	27/5/2019	2019	5	Không No	1	40	1,20	1,5	645	-	-		40	40	
145	Nguyễn Tấn Phong	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	21/3/2022	2022	2	Không No	0	-	-	1	-	0,40	40		40	40	
146	Nguyễn Tấn Trọng	3	Chuyên viên chính Officer	B	30/7/2023	2023	1	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40		40	40	
147	Nguyễn Thành Đạt	1	CV Kinh doanh Sales Officer	B	18/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40	
148	Nguyễn Thanh Hiệp	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	6/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		645	650	
149	Nguyễn Thế Minh	6	Quản lý Vùng Regional Manager	B	8/11/2016	2016	8	Có Yes	0	-	1,00	1,5	645	-	-		40	40	
150	Nguyễn Thị Bà Tươi	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	16/9/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40	
151	Nguyễn Thị Bích Phương	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	7/10/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		80	80	
152	Nguyễn Thị Cẩm Giang	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	9/8/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1	-	0,80	80		645	650	
153	Nguyễn Thị Cẩm	6	Trưởng phòng Manager	B	16/10/2023	2023	1	Không No	0	-	1,00	1,5	645	-	-		123	120	
154	Nguyễn Thị Duyên	5	Trưởng nhóm Team leader	B	6/11/2017	2017	7	Có Yes	0	-	0,19	1,5	123	-	-				

STT SEQ	Họ và tên Full name	Hạng Grade	Chức danh Job Title	PMS 2024	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIỆN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency			C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án Đại chúng hóa D. Publication project contribution level	SL-CP ESOP 2024 được mua (trước khi làm tròn) ESOP 2024 shares eligible to purchase (before rounding) = (A+B+C+D)	SL-CP ESOP 2024 được mua (sau khi làm tròn) ESOP 2024 shares eligible to purchase (after rounding) = (A+B+C+D)
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thêm niên (trên năm) Seniority (by years)	Đã được thưởng ESOP năm nào Has received seniority ESOP for previous years	Hệ số nhân phẩm Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HIỆU QUẢ Efficiency Index	ESOP B	Hệ số Tiềm năng Potential Index	ESOP C			
155	Nguyễn Thị Huệ	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	D	2/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
156	Nguyễn Thị Hòa	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	23/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
157	Nguyễn Thị Hoài Thương	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	1/10/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
158	Nguyễn Thị Huệ	4	Chuyên viên tư vấn cấp Senior Officer	C	4/12/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	630	630
159	Nguyễn Thị Hương	6	Trưởng phòng Manager	C	15/2/2016	2016	8	Có Yes	0	-	1,00	1	430	2,00	200	-	123	120
160	Nguyễn Thị Hương Giang	5	Trưởng nhóm Team leader	B	25/4/2022	2022	2	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	-	40	40
161	Nguyễn Thị Kiều Dung	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	D	3/9/2019	2019	3	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	81	80
162	Nguyễn Thị Kim Chi	5	Phó phòng Deputy Manager	C	7/1/2021	2021	3	Không No	0	-	0,19	1	81	-	-	-	860	860
163	Nguyễn Thị Kim Trích	6	Trưởng phòng Manager	A	20/4/2023	2023	1	Không No	0	-	1,00	2	360	-	-	-	122	125
164	Nguyễn Thị Lý	5	Chuyên gia Expert	C	15/10/2018	2018	6	Không No	1	40	0,19	1	81	-	-	-	40	40
165	Nguyễn Thị Lý	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	18/6/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	163	160
166	Nguyễn Thị Mai Anh	5	Chuyên gia Expert	B	19/9/2018	2018	6	Không No	1	40	0,19	1,5	123	-	-	-	120	120
167	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	3/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
168	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1	CV Kinh doanh Sales Officer	B	16/9/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
169	Nguyễn Thị Ngọc Trích	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	22/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	123	120
170	Nguyễn Thị Phương Thủy	5	Trưởng nhóm Team leader	B	12/16/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	-	3.290	3.290
171	Nguyễn Thị Quyền	8	Giám đốc Director	B	24/8/2020	2020	4	Không No	0	-	5,10	1,5	3.790	-	-	-	40	40
172	Nguyễn Thị Tâm	3	Chuyên viên chính Officer	C	10/12/2021	2021	3	Không No	0	-	-	1	-	-	-	-	160	160
173	Nguyễn Thị Thanh	6	Trưởng phòng Manager	A	4/5/2020	2020	4	Không No	0	-	1,00	2	860	-	-	-	123	120
174	Nguyễn Thị Thiên Ly	5	Trưởng nhóm Team leader	B	6/12/2023	2023	1	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	-	40	40
175	Nguyễn Thị Thu Hằng	4	Trưởng nhóm Team leader	B	22/2/2021	2021	3	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40	-	520	510
176	Nguyễn Thị Thu Thủy	8	Giám đốc Director	B	4/9/2024	2024	-	Không No	0	-	-	1,5	-	3,20	520	-	40	40
177	Nguyễn Thị Thu Thủy	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	27/8/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
178	Nguyễn Thị Thủy	1	CV Kinh doanh Sales Officer	B	23/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
179	Nguyễn Thị Thủy	3	Chuyên viên chính Officer	B	4/10/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40
180	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	6/8/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
181	Nguyễn Thị Thủy Linh	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	27/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
182	Nguyễn Thị Thủy Trang	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	3/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	685	690
183	Nguyễn Thị Tĩnh	6	Trưởng phòng Manager	B	9/10/2019	2019	5	Không No	1	40	1,00	1,5	645	-	-	-	40	40
184	Nguyễn Thị Tĩnh	3	Chuyên viên chính Officer	C	13/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40
185	Nguyễn Thị Tố Anh	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	9/4/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40

STT SEQ	Họ và tên Full name	Bậc Grade	Chức danh Job Title	PMS 2014	TIỀN LỊCH LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency				C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án Đại chúng hóa D. Publicization project contribution level	Số CP ESOP 2014 được mua (trước ESOP 2014 shares eligible to purchase before ESOP 2014) = A1B1C1D1	Số CP ESOP 2014 được mua (sau khi ESOP 2014 shares eligible to purchase after ESOP 2014) = (A1+B1+C1D)
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thẩm niên (tính năm) Seniority (by year)	Đã được thưởng ESOP thêm nữa các năm trước Has received seniority ESOP for previous years	Chỉ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Chỉ số trách nhiệm Responsibility Index	Chỉ số HIỆU QUẢ Efficiency Index	ESOP B	Chỉ số Tiềm năng Potential Index	ESOP C	ESOP D			
186	Nguyễn Thị Trang	1	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	1/4/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
187	Nguyễn Thị Trúc Linh	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	5/11/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
188	Nguyễn Thị Tuyết Hằng	5	Chuyên gia Expert	B	25/9/2020	2020	4	Không Có	0	-	0,19	1,5	123	-	-	-	123	120	
189	Nguyễn Thiện Anh	6	Quản lý Vùng Regional Manager	C	21/5/2019	2019	5	Không Có	1	40	1,00	1	430	-	-	-	430	430	
190	Nguyễn Thị Ngọc	3	Chuyên viên chính Officer	C	25/11/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
191	Nguyễn Thu Hà	5	Trưởng nhóm Team leader	C	16/5/2022	2022	2	Không Có	0	-	0,19	1	81	-	-	-	81	80	
192	Nguyễn Thu Hiền	5	Chuyên gia Expert	B	5/1/2023	2023	1	Không Có	0	-	0,19	1,5	123	-	-	-	123	120	
193	Nguyễn Tiến Dũng	1	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	12/6/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
194	Nguyễn Trung Kiên	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	7/10/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
195	Nguyễn Tuấn	6	Trưởng phòng Manager	B	6/9/2021	2021	3	Không Có	0	-	1,00	1,5	645	-	-	-	645	650	
196	Nguyễn Tuấn Dũng	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	A	11/12/2021	2021	3	Không Có	0	-	-	2	-	0,40	-	-	40	40	
197	Nguyễn Tuấn Phong	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	13/8/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
198	Nguyễn Tuấn Thuận	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	12/5/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
199	Nguyễn Tùng Lâm	8	Giám đốc Director	B	7/11/2016	2016	8	Có Yes	0	-	5,10	1,5	3.290	8,40	840	-	4.130	4.130	
200	Nguyễn Văn Cường	6	Trưởng phòng Manager	C	26/10/2016	2016	8	Có Yes	0	-	1,00	1	430	2,00	200	-	630	630	
201	Nguyễn Văn Đại	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	16/4/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
202	Nguyễn Văn Lương	3	Chuyên viên chính Officer	C	11/2/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
203	Nguyễn Văn Lương	3	Chuyên viên chính Officer	B	18/2/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	165	160	
204	Nguyễn Văn Sang	5	Phó phòng Deputy Manager	B	3/12/2018	2018	6	Không Có	1	40	0,19	1,5	123	-	-	-	163	160	
205	Nguyễn Văn Tấn	1	Nhân viên Clerk	C	25/8/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
206	Nguyễn Văn Thành	5	Phó phòng Deputy Manager	A	10/3/2021	2021	3	Không Có	0	-	0,19	2	163	-	-	-	163	160	
207	Nguyễn Văn Thuận	6	Quản lý Vùng Regional Manager	C	6/9/2017	2017	7	Có Yes	0	-	1,00	1	430	-	-	-	430	430	
208	Nguyễn Văn Toàn	7	Giám đốc Director	B	26/1/2024	2024	-	Không Có	0	-	-	1,5	-	13,40	1,340	-	1,340	1,340	
209	Nguyễn Văn Tùng	7	Phó Giám đốc Deputy Director	B	1/12/2017	2017	7	Có Yes	0	-	2,00	1,5	1.677	-	-	-	1.677	1.680	
210	Nguyễn Văn Cường	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	12/6/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
211	Nguyễn Văn Tiến	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	2/12/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
212	Nguyễn Vũ Bảo	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	3/6/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
213	Nguyễn Xuân Bình	6	Trưởng phòng Manager	B	16/9/2020	2020	4	Không Có	0	-	1,00	1,5	645	2,00	200	-	845	850	
214	Nguyễn Xuân Bình	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	28/10/2019	2019	5	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
215	Nguyễn Xuân Trường	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	B	7/5/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
216	Nguyễn Văn Quý	3	Chuyên viên chính Officer	C	12/3/2018	2018	6	Không Có	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	

STT SEQ	Họ và tên Full name	NHC Grade	Chức danh Job Title	PMS 2024	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU V B. Responsibility & Efficiency				C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Số c độ đóng góp vào Dự án Dự chính hợ D. Publication project contribution level	SLCP/ESOP 2024 được mua (trước lấn tròn) ESOP 2024 shares eligible to purchase (before rounding) x 110% USD	SLCP/ESOP 2024 được mua (sau (tr lấn tròn) ESOP 2024 shares eligible to purchase (after rounding) x 110% USD
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thẩm niên (tính năm) Seniority (by years)	Đã được thưởng ESOP (tính năm trước) Has received seniority ESOP for previous years	Hệ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HIỆU V Efficiency Index	ESOP B	Hệ số Tiềm năng Potential Index	ESOP C	ESOP D			
217	Phạm Đình Chương	6	Quản lý Vùng cấp 1 Senior Regional Manager	C	25/3/2019	2019	5	Không No	1	40	1,00	1	430	-	-	-	470	470	
218	Phạm Đình Đạt	1	Nhân viên Clerk	C	4/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
219	Phạm Đình Trung	6	Trưởng phòng Manager	A	1/6/2023	2023	1	Không No	0	-	1,00	2	860	-	-	-	860	860	
220	Phạm Đức Trung	6	Trưởng phòng Manager	C	4/5/2020	2020	4	Không No	0	-	1,00	1	430	-	-	-	430	430	
221	Phạm Hải Đăng	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	18/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
222	Phạm Hải Thành	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	6/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
223	Phạm Huỳnh Thi	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	B	16/6/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1,5	-	0,80	10	-	40	40	
224	Phạm Khích Sơn	1	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	27/5/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
225	Phạm Minh Đạo	7	Tổng Giám đốc - NNX GD - NNX Ltd	D	6/7/2021	2021	3	Không No	0	-	11,00	1,5	7.095	20,00	2.000	5.524	14.619	14.619	
226	Phạm Nguyễn Duy Phú	3	Chuyên viên kinh Officer	C	31/2/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
227	Phạm Nguyễn Nguyễn An	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	11/1/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
228	Phạm Tấn Sự	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	12/8/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
229	Phạm Thị Bích Ngọc	5	Trưởng nhóm Team leader	B	24/4/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	-	123	120	
230	Phạm Thị Bích Ngọc	2	Chuyên viên Clerk	C	23/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
231	Phạm Thị Hoàng Giang	5	Trưởng nhóm Team leader	C	4/5/2022	2022	2	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-	-	82	80	
232	Phạm Thị Huyền	5	Chuyên gia Expert	B	13/2/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	-	123	120	
233	Phạm Thị Huyền	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	15/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
234	Phạm Thị Ngọc Anh	1	CV Kinh doanh Sales Officer	C	7/10/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
235	Phạm Thị Nhàn	6	Trưởng phòng Manager	A	8/5/2023	2023	1	Không No	0	-	1,00	2	860	-	-	-	860	860	
236	Phạm Thị Thảo My	3	Chuyên viên kinh Officer	C	18/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
237	Phạm Thị Thùy Linh	5	Trưởng nhóm Team leader	A	26/10/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	2	163	-	-	-	163	160	
238	Phạm Thị Việt Chính	1	CV Kinh doanh Sales Officer	B	7/10/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
239	Phạm Tiến Đạt	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	17/8/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
240	Phạm Tiến Vinh	5	Phó phòng Deputy Manager	B	17/9/2019	2019	5	Không No	1	40	0,19	1,5	123	-	-	-	163	160	
241	Phạm Trần Long	10	Phó Tổng Giám đốc Deputy GD	C	31/10/2018	2018	6	Không No	1	40	11,00	1	4.730	65,00	6.500	6.929	18.099	18.099	
242	Phạm Tuấn Minh	5	Chuyên gia Expert	B	24/9/2018	2018	6	Không No	1	40	0,19	1,5	123	-	-	-	163	160	
243	Phạm Văn Đăng	5	Chuyên gia Expert	C	10/4/2017	2017	7	Có Yes	0	-	0,19	1	82	-	-	-	82	80	
244	Phạm Văn Đạt	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	25/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	-	40	40	
245	Phạm Văn Quảng	5	Giám sát Supervisor	A	16/10/2023	2023	1	Không No	0	-	0,19	2	163	-	-	-	163	160	
246	Phạm Văn Tùng	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	19/11/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	-	40	40	
247	Phạm Văn Việt	5	Phó phòng Deputy Manager	B	4/5/2022	2022	2	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	2,00	200	333	330	

STT SEQ.	Họ và tên Full name	Bậc Grade	Chức danh Job Title	PMS 2024	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU VŨ B. Responsibility & Efficiency		C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án Dự công bố D. Publication project contribution level	SLC.P.ESOP 2024 dự công bố (trước ESOP 2024 shares eligible to purchase (before ESOP 2024) = A*(B+C+D)	SLC.P.ESOP 2024 dự công bố (sau khi ESOP 2024 shares eligible to purchase (after ESOP 2024) = A*(B+C+D)	
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thêm nhập (tính năm) Seniority (By years)	Đã được thưởng ESOP thêm năm các năm trước Has received ESOP for previous years	Hệ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HIỆU VŨ Efficiency Index	ESOP B	Hệ số TIỀM năng Potential Index				ESOP C
248	Phạm Việt Anh	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	7/5/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	0,80	80		120	120
249	Phạm Vũ Huy	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	27/8/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
250	Phan Hoàng Vp	5	Giám sát Supervisor	B	16/6/2023	2023	1	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-		123	120
251	Phan Ngọc Tường Vy	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	4/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40
252	Phan Nhị Linh	5	Phó phòng Deputy Manager	C	28/1/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-		82	80
253	Phan Thành Đạt	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	4/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
254	Phan Thanh Tân	5	Chuyên gia Expert	C	8/4/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-		82	80
255	Phan Thị Hồng Thắm	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	23/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
256	Phan Thị Minh Thuận	2	Chuyên viên Clerk	C	23/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
257	Phan Thị Thuần An	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	17/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
258	Phan Thị Trích	4	Trưởng nhóm Team leader	A	24/12/2018	2018	6	Không No	1	40	-	2	-	0,40	40		80	80
259	Phan Trung Kiên	5	Trưởng nhóm Team leader	B	14/2/2022	2022	2	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-		123	120
260	Phạm Văn Lăng	8	Giám đốc Director	B	16/3/2023	2023	1	Không No	0	-	5,18	1,5	3.290	7,10	710		4.000	4.000
261	Phòng Anh Tuấn	11	Tổng Giám đốc - F88KD GD - F88 Business dev	B	1/1/2013	2013	11	Có Yes	0	-	12,00	1,5	7.740	68,00	6.800	7.080	21.670	21.620
262	Phòng TN Hòa	3	Chuyên viên chính Officer	A	18/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	2	-	-	-		40	40
263	Phòng TN Thu Thủy	6	Trưởng phòng Manager	B	10/10/2021	2022	2	Không No	0	-	1,00	1,5	645	-	-		645	650
264	Tp Hồng Anh	1	CV Kinh doanh Sales Officer	B	18/2/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40
265	Tạ Thị Ly	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	B	5/12/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	0,40	40		80	80
266	Trần Bảo Vy	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	B	4/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40
267	Trần Diệu Hương	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	26/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
268	Trần Duy Đình Quang	5	Chuyên gia Expert	C	5/11/2018	2018	6	Không No	1	40	0,19	1	82	-	-		122	120
269	Trần Hà Đông	10	Phó Tổng Giám đốc Deputy GD	B	17/3/2010	2020	4	Không No	0	-	7,00	1,5	4.513	21,63	2.163	-	6.680	6.680
270	Trần Hải Nam	5	Trưởng nhóm Team leader	B	23/2/2017	2017	7	Có Yes	0	-	0,19	1,5	123	5,00	500		623	620
271	Trần Hồng	3	Chuyên viên chính Officer	C	29/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
272	Trần Huy Quang	5	Chuyên gia Expert	C	11/9/2017	2017	7	Có Yes	0	-	0,19	1	82	-	-		82	80
273	Trần Huỳnh Ngọc Hà	1	CV Kinh doanh Sales Officer	D	11/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	0	-	-	-		40	40
274	Trần Mai Thảo	9	Giám đốc KH District Head	A	20/2/2024	2024	-	Không No	0	-	-	2	-	48,50	4.350		4.350	4.350
275	Trần Minh Phương	6	Trưởng phòng Manager	A	23/1/2022	2022	2	Không No	0	-	1,00	2	860	-	-		860	860
276	Trần Ngọc Minh Tường	8	Trưởng phòng Manager	C	1/6/2023	2023	1	Không No	0	-	1,00	1	430	-	-		430	430
277	Trần Ngọc Quang	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	2/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
278	Trần Nguyễn Hoàng Hằng	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	15/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40

STT SEQ	Tên nhân viên Full name	Hạng Grade	Chức danh Job Title	PMS 2024	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM RIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency		C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án Dự kiến bán D. Publication project contribution level	SL. CP ESOP 2024 được mua trước khi mua (trước ESOP 2024 shares eligible to purchase before round 1) = A*(B+C)*D	SL. CP ESOP 2024 được mua (sau khi mua) (sau ESOP 2024 shares eligible to purchase after round 1) = (A+B)*D
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thêm vào (tính năm) Seniority (by year)	Đã được thưởng ESOP thêm năm trước Has received seniority ESOP for previous years	Hệ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HIỆU QUẢ Efficiency Index	ESOP B	Hệ số Tiềm năng Potential Index			
279	Trần Nguyễn Thủy Dương	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	A	30/9/2019	2019	5	Không No	1	40	-	2	-	-	-	40	40
280	Trần Phong Phú	7	Giám đốc Director	B	5/8/2019	2019	5	Không No	1	40	2,60	1,5	1,677	2,00	200	1.917	1.920
281	Trần Quang Thái	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	25/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	40	40
282	Trần Quốc Hết	5	Chuyên gia Expert	C	9/5/2022	2022	3	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-	82	80
283	Trần Quốc Khá	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	27/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	40	40
284	Trần Quốc Toàn	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	A	4/10/2021	2021	3	Không No	0	-	-	3	-	0,40	40	40	40
285	Trần Quốc Trung	3	Chuyên viên chính Officer	B	18/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	40	40
286	Trần Thanh Phú	6	Quản lý Vùng cao cấp Senior Regional Manager	C	26/10/2018	2018	6	Không No	1	40	1,60	1	430	-	-	470	470
287	Trần Thanh Tiên	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	B	25/9/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1,5	-	0,80	80	80	80
288	Trần Thanh Vũ	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	26/12/2016	2016	8	Có Yes	0	-	-	1	-	0,80	80	80	80
289	Trần Thế Hào	3	Chuyên viên chính Officer	C	26/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	40	40
290	Trần Thế Sơn	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	A	17/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	2	-	0,80	80	40	40
291	Trần Thị Ánh	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	A	27/8/2018	2018	6	Không No	1	40	-	2	-	-	-	860	860
292	Trần Thị Diệu Linh	6	Trưởng phòng Manager	A	1/4/2015	2015	9	Có Yes	0	-	1,00	2	860	-	-	40	40
293	Trần Thị Hoài Hương	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	25/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	860	860
294	Trần Thị Lan Chi	6	Trưởng phòng Manager	A	1/7/2020	2020	4	Không No	0	-	1,00	2	860	-	-	123	120
295	Trần Thị Linh Chi	5	Chuyên gia Expert	B	30/6/2022	2022	2	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	40	40
296	Trần Thị Minh Hằng	3	Chuyên viên chính Officer	C	18/2/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	40	40
297	Trần Thị Phương Dung	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	17/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	860	860
298	Trần Thị Quỳnh	6	Chuyên gia Expert	A	30/6/2021	2021	3	Không No	0	-	1,00	2	860	-	-	40	40
299	Trần Thị Thanh Loan	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	7/10/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-	121	120
300	Trần Thị Thủy Tiên	5	Chuyên gia Expert	B	25/2/2020	2020	4	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	40	40
301	Trần Thị Thùy Tuyết	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	33/7/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1	-	-	-	40	40
302	Trần Thị Trang	2	Chuyên viên Clerk	B	4/6/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	795	800
303	Trần Thu Huyền	6	Trưởng phòng Manager	B	4/12/2023	2023	1	Không No	0	-	1,00	1,5	645	1,50	150	2.630	2.630
304	Trần Tuấn Việt	9	Giám đốc Khu District Head	B	8/4/2024	2024	-	Không No	0	-	-	1,5	-	26,30	2.630	121	120
305	Trần Văn Quân	5	Chuyên gia Expert	D	2/8/2021	2021	3	Không No	0	-	0,19	1,5	123	-	-	80	80
306	Trần Dương Sơn Tùng	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	23/3/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1	-	0,80	80	40	40
307	Trịnh Khắc Dũng	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	15/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	40	40
308	Trịnh Thị Bích Tiên	1	CV Kinh doanh Sales Officer	B	11/11/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	40	40
309	Trịnh Thị Len	3	Chuyên viên chính Officer	B	17/12/2018	2018	6	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-	40	40

STT SEQ	Họ và tên Full name	Hạng Grade	Chức danh Job Title	PMS 1014	THỜI GIAN LÀM VIỆC Working time				A. THẨM NIÊN A. Seniority		B. TRÁCH NHIỆM & HIỆU QUẢ B. Responsibility & Efficiency			C. TIỀM NĂNG C. Potential		D. Mức độ đóng góp vào Dự án Uplift công tác D. Publication project contribution level	Số CP ESOP 2024 được mua (trước làm tròn) ESOP 2024 shares eligible to purchase (before rounding) = A(10)C(10)	Số CP ESOP 2024 được mua (sau khi làm tròn) ESOP 2024 shares eligible to purchase (after rounding) = (A(10)C(10))
					Ngày bắt đầu Start date	Năm vào	Thẩm niên (tính năm) Seniority (by years)	Đã được thưởng ESOP thêm nhiều các năm trước Has received seniority ESOP for previous years	Hệ số thẩm niên Seniority Index	ESOP A	Hệ số trách nhiệm Responsibility Index	Hệ số HIỆU QUẢ Efficiency Index	ESOP B	Hệ số Tiềm năng Potential Index	ESOP C			
310	Trương Minh Hằng	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	D	15/3/2017	2017	7	Có Yes	0	-	-	1,5	-	0,40	40		40	40
311	Trương Thị Hoàng Quỳnh	3	Chuyên viên chính Officer	U	4/7/2022	2022	2	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40		40	40
312	Tưởng Duy Quân	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	B	2/12/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1,5	-	-	-		40	40
313	Vũ Thanh Bình	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	17/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
314	Vũ Anh Tú	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	B	1/6/2020	2020	4	Không No	0	-	-	1,5	-	0,40	40		40	40
315	Vũ Duy Hoàng	4	Chuyên viên cao cấp Senior Officer	C	26/2/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	2,00	200		210	240
316	Vũ Hoàng Hồng	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	C	1/7/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
317	Vũ Minh Sáng	3	Chuyên viên chính Officer	A	11/7/2022	2022	2	Không No	0	-	-	2	-	0,40	40		40	40
318	Vũ Nguyễn Thiên Lý	6	Trưởng phòng Manager	B	13/9/2022	2022	2	Không No	0	-	1,00	1,5	645	-	-		645	650
319	Vũ Quang Phong	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	C	17/6/2019	2019	5	Không No	1	40	-	1	-	-	-		40	40
320	Vũ Thị Hải	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	A	8/4/2019	2019	5	Không No	1	40	-	2	-	-	-		40	40
321	Vũ Thị Thu Quỳnh	5	Chuyên gia Expert	C	11/7/2023	2023	1	Không No	0	-	0,19	1	82	-	-		82	80
322	Vũ Văn Lã	4	Quản lý Khu vực Area Sales Manager	B	4/3/2017	2017	7	Có Yes	0	-	-	1,5	-	0,40	40		40	40
323	Vũ Xuân Định	6	Quản lý Vùng Regional Manager	C	1/4/2019	2019	5	Không No	1	40	1,00	1	430	-	-		430	410
324	Vương Chí Công	3	Trưởng phòng giao dịch Branch Manager	D	20/3/2019	2019	5	Không No	1	40	-	0	-	-	-		40	40

